

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I:	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1: - Giải thích từ ngữ:	4
Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
CHƯƠNG II:.....	6
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty	6
Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động	7
CHƯƠNG III:	8
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu.....	9
Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác	10
Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 9: Thu hồi cổ phần.....	11
CHƯƠNG IV:.....	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT.....	11
A- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	11
Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý.....	11
Điều 11: Cổ đông và quyền của cổ đông	12
Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông	13
Điều 13: Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ.....	15
Điều 15: Các đại diện được ủy quyền	17
Điều 16: Thay đổi các quyền.....	17
Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ	18
Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ	19
Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	20
Điều 20: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ	22
Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.....	22
Điều 22: Biên bản họp ĐHĐCĐ	23
Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ.....	24
B- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	25
Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	28
Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	29

C- TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	33
Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 29: Cán bộ quản lý	33
Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành.....	33
Điều 31: Thư ký Công ty	35
D- NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ	35
Điều 32: Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý.....	35
Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	36
Điều 34: Trách nhiệm đối với thiệt hại và bồi thường	37
E- BAN KIỂM SOÁT	37
Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát	37
Điều 36: Ban kiểm soát.....	38
CHƯƠNG V:	39
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CÔNG TY.....	39
Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	39
Điều 38: Công nhân viên và công đoàn.....	40
CHƯƠNG VI:.....	40
PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	40
Điều 39: Cổ tức.....	40
Điều 40: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	41
CHƯƠNG VII:	42
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	42
Điều 41: Tài khoản ngân hàng.....	42
Điều 42: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ.....	42
Điều 43: Năm tài khóa	42
Điều 44: Hệ thống kế toán.....	42
CHƯƠNG VIII:.....	43
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU CÔNG TY	43
Điều 45: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý.....	43
Điều 46: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	43
Điều 47: Kiểm toán Công ty.....	43
Điều 48. Con dấu.....	44
CHƯƠNG IX:.....	44
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	44
Điều 49. Chấm dứt hoạt động	44

Điều 50: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT Công ty và cổ đông.....	45
Điều 51: Gia hạn hoạt động.....	45
Điều 52: Thanh lý.....	45
Điều 53: Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	46
CHƯƠNG X:.....	46
BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	46
Điều 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	46
Điều 55: Ngày hiệu lực	46
Điều 56: Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	47

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này là bản sửa đổi lần thứ III của Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2011 tổ chức ngày 20/04/2012 nhất trí thông qua.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: - Giải thích từ ngữ:

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

- Công ty” là Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô.
- “ĐHĐCĐ” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- “Cổ đông” là mọi cá nhân hay tổ chức được ghi tên trong Sổ đăng ký cổ đông của Công ty với tư cách là người sở hữu cổ phiếu.
- “Cổ đông sáng lập” là cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty.
- “Cổ tức” là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- “Cổ phần” là số vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- “Cổ phiếu” là chứng chỉ hoặc bút toán ghi sổ do Công ty phát hành xác nhận quyền sở hữu của cổ đông đối với một hoặc một số cổ phần Công ty.
- “Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
- “Sổ đăng ký cổ đông” là văn bản hoặc dữ liệu điện tử thể hiện các nội dung cần thiết theo quy định của Luật Doanh nghiệp do Công ty lập ra và lưu giữ kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 12 năm 2005.
- “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- “Cán bộ quản lý” là Tổng giám đốc điều hành, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT Công ty phê chuẩn.
- “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại Điều 4.17 của Luật Doanh nghiệp.

- "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty tính từ Ngày thành lập được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này hoặc một thời hạn khác do HĐQT Công ty quyết định gia hạn và thông qua bằng nghị quyết (nếu có).

- "*Việt Nam*" là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, những văn bản hoặc quy định được sử dụng để tham chiếu sẽ đương nhiên bao gồm cả những sửa đổi - bổ sung hay những văn bản cập nhật thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (*chương, điều của Điều lệ này*) được sử dụng nhằm tạo thuận lợi cho việc hiểu đúng Điều lệ và không làm ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp nếu không mâu thuẫn với từng chủ thể hoặc ngữ cảnh cụ thể trong Điều lệ này đều được hiểu theo cùng một nghĩa.

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên giao dịch chính thức của Công ty bằng tiếng Việt là:

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀNG HẢI ĐÔNG ĐÔ

- Tên giao dịch đối ngoại của Công ty bằng tiếng Anh là :

DONG DO MARINE JOINT STOCK COMPANY (*viết tắt là DONG DO MARINE*)

- Công ty có tư cách pháp nhân phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành của Việt Nam.

2. Trụ sở đăng ký của Công ty:

- *Địa chỉ* : Tầng 19, Tháp Văn phòng quốc tế Hòa Bình,
106 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

- *Điện thoại* : (84)437556140

- *Fax* : (84)437556149

- *E-mail* : dongdo@dongdomarine.com.vn

- *Website* : www.dongdomarine.com.vn

3. Tổng giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty, có trách nhiệm điều hành hoạt động SXKD và các hoạt động khác của Công ty theo quy định của Điều lệ này.

4. Công ty đặt trụ sở chính tại Thành phố Hà Nội và có các chi nhánh, văn phòng đại diện tại Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh hoặc ở những nơi khác tùy theo quyết định của HĐQT Công ty .

5. Việc thay đổi vị trí đặt trụ sở giao dịch chính, biểu tượng riêng và cờ hăng sẽ do HĐQT Công ty xem xét, quyết định phê duyệt theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

6. Ngày thành lập của Công ty là ngày 25 tháng 12 năm 2006. Thời hạn hoạt động tối thiểu của Công ty dự kiến là 30 (*ba mươi*) năm. Việc kéo dài thêm

hoặc rút ngắn thời gian hoạt động của Công ty sẽ do ĐHĐCĐ quyết định tùy theo tình hình cụ thể và đề nghị của HĐQT Công ty.

CHƯƠNG II:

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3: Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty:

- Vận chuyển hàng hóa bằng đường thủy;
- Kinh doanh xếp dỡ kho và bãi cảng;
- Dịch vụ đại lý hàng hóa;
- Kinh doanh vật tư thiết bị hàng hóa;
- Trục vớt cứu hộ;
- Đại lý tàu biển và môi giới hàng hải;
- Tổ chức nạo vét và vùng nước cảng và khu vực lân cận, kết hợp tận thu đất cát sản phẩm trong quá trình nạo vét;
- Kinh doanh khai thác vật liệu xây dựng các loại;
- Xây dựng các công trình dân dụng, kho tàng, bến bãi thuộc nhóm C;
- Xây lắp các kết cấu kiện công trình;
- Thi công nền móng mặt đường bộ, đào lấp san lấp mặt bằng, tạo bãi và các dịch vụ xây dựng cơ bản khác;
- Đại lý xăng dầu và vật tư kỹ thuật, sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng xe máy và các phương tiện, thiết bị kỹ thuật thủy bộ khác;
- Đại lý và môi giới vận chuyển hàng hóa;
- Vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh dịch vụ nhà hàng và du lịch lữ hành;
- Cung ứng thuyền viên;
- Đào tạo bổ sung, tu nghiệp định kỳ, bồi dưỡng nâng cao trình độ, cập nhật kiến thức, kỹ năng cho thuyền viên;
- Quản lý, vận hành, sửa chữa hạ tầng nhà ở và văn phòng;
- Vận hành, sửa chữa thiết bị, máy móc cho khu nhà ở và văn phòng;
- Dịch vụ dọn vệ sinh, trang trí phong cảnh, trông giữ xe đạp, xe máy, xe ô tô.
- Huấn luyện - đào tạo và đưa người đi làm việc ở nước ngoài.
- Kinh doanh mua - bán tàu biển và các trang thiết bị kỹ thuật, phụ tùng – vật tư hàng hải.

Tùy theo nhu cầu thị trường và khả năng, điều kiện thực tế ở từng thời điểm cụ thể, HĐQT Công ty có thể đề xuất ĐHĐCĐ xem xét và quyết định chấp thuận mở rộng hoặc thu hẹp ngành nghề kinh doanh, quy mô hoạt động theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

a)- *Quản lý và tận dụng tối đa mọi nguồn lực, cơ hội kinh doanh, cũng như các ý tưởng sáng tạo mới trong quản trị - điều hành, đầu tư - phát triển để luôn đạt được lợi nhuận cao nhất, đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, các cổ đông và người lao động trong Công ty.*

b)- *Bảo toàn và phát triển hợp lý nguồn vốn cũng như các nguồn lực khác, không chỉ nhằm thường xuyên giữ được một tốc độ phát triển bền vững và hợp lý, mà còn tăng cường tích lũy tiền vốn, tài sản, lao động, kinh nghiệm và uy tín kinh doanh để sớm trở thành một doanh nghiệp hàng hải loại vừa, có bản sắc riêng trên thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.*

c)- *Không ngừng cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và chất lượng sống cho tập thể người lao động trong Công ty.*

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, phù hợp với Điều lệ này và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành cũng như để thực hiện các biện pháp thích hợp khác nhằm đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được HĐQT Công ty phê chuẩn.

3. Nguyên tắc tổ chức hoạt động, quản lý - điều hành cơ bản:

a)- Công ty là một doanh nghiệp thành viên của Tổng công ty Hàng hải Việt Nam thuộc sở hữu của các cổ đông có tên trong “Sổ đăng ký cổ đông” đặt tại trụ sở chính của Công ty và được thành lập trên cơ sở kế thừa tài sản, quyền lợi, nghĩa vụ của DNN “Công ty Hàng hải Đông Đô” cộng thêm phần vốn góp của các cổ đông khác; có tư cách pháp nhân đầy đủ và các quyền, nghĩa vụ dân sự theo pháp luật Việt Nam; tổ chức hạch toán kinh tế độc lập; có quyền tự chủ về tài chính, sản xuất - kinh doanh, đầu tư - phát triển, sử dụng lao động.

b)- Công ty được quản trị - điều hành trên cơ sở các nguyên tắc cơ bản là “tự nguyện - bình đẳng - dân chủ tập trung” và “tôn trọng pháp luật, danh dự”.

c)- Cơ quan có quyền quyết định cao nhất của Công ty là ĐHĐCĐ. HĐQT Công ty và Ban Kiểm soát là những cơ quan có chức năng quản lý - điều hành, giám sát hoạt động của Công ty trên cơ sở Điều lệ này và pháp luật liên quan.

d)- Chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và thể thức hoạt động cụ thể của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý - điều hành khác... được quy định chi tiết ở các phần tương ứng của Điều lệ này.

e)- Hoạt động của Đảng CSVN, Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Hội phụ nữ Việt Nam, Hội cựu chiến binh, cũng như các tổ chức chính trị - xã hội hợp pháp khác được đảm bảo quyền hoạt động trong Công ty trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật của CHXHCN Việt Nam.

CHƯƠNG III:

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Tổng vốn điều lệ tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần Hàng hải Đông Đô là 122.444.950.000 VND (*Một trăm hai mươi hai tỷ bốn trăm bốn mươi bốn triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 12.244.495 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Trong quá trình hoạt động và theo đề nghị của HĐQT Công ty, ĐHĐCĐ có thể xem xét, quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ của Công ty phù hợp các quy định của pháp luật đối với chiến lược tình hình sản xuất - kinh doanh trong từng thời kỳ cụ thể. Tuy nhiên, việc tăng hay giảm vốn điều lệ phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

a)- *Việc tăng thêm vốn điều lệ được thực hiện qua các hình thức: bổ sung trực tiếp từ lợi nhuận tích lũy của Công ty; tăng đầu tư bằng vốn góp bổ sung của cổ đông; phát hành cổ phiếu thu hút thêm vốn trong và ngoài Công ty.*

b)- *Việc quyết định giảm vốn điều lệ hoặc thay đổi phương thức sử dụng phần vốn này trên cơ sở vốn hiện có chỉ được coi là hợp lệ nếu không gây ảnh hưởng xấu cho các hoạt động bình thường của Công ty.*

3. Vốn điều lệ chỉ được sử dụng vào các mục đích sau đây:

a)- *Cung cấp vốn phục vụ hoạt động SXKD, quản trị - điều hành doanh nghiệp, cải tạo nguồn nhân lực;*

b)- *Mua sắm tài sản - phương tiện - thiết bị, đổi mới công nghệ để mở rộng quy mô hoạt động hoặc nâng cao năng lực cạnh tranh thị trường;*

c)- *Mua cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn liên doanh - liên kết kinh tế...hoặc đầu tư tài chính dưới các hình thức khác.*

4. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này chỉ bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo loại cổ phần này được quy định tại Điều 11, Điều 12 của Điều lệ này.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục I đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Không được sử dụng vốn điều lệ của Công ty để chia cổ tức hoặc phân tán thành tài sản dành cho các cổ đông dưới bất cứ hình thức nào, trừ khi ĐHĐCĐ quyết định sửa đổi lại Điều lệ này hay thu hẹp quy mô SXKD với số vốn nhỏ hơn.

7. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

8. Cổ phần phổ thông được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp ĐHĐCĐ quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán

cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (*tối thiểu hai mươi ngày làm việc*) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do HĐQT Công ty quyết định. HĐQT Công ty có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp ĐHĐCĐ chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.

9. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (*kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại*) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

10. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6: Chứng chỉ cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số và loại cổ phần sở hữu trừ trường hợp quy định tại Khoản 7 điều này.

2. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ (*nếu là cổ phiếu ghi danh*) và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu ghi danh chỉ đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn hai tháng (*hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định*) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Cổ đông không phải trả cho Công ty chi phí in ấn chứng chỉ cổ phiếu hoặc bất kỳ một khoản phí gì.

4. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một số cổ phần trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh thì chứng chỉ cũ sẽ bị huỷ bỏ và cổ đông sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ mới ghi nhận quyền sở hữu đối với số cổ phần còn lại.

5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hư hỏng, tẩy xóa, mất, đánh cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể gửi thông báo bằng văn bản một cách sớm nhất để yêu cầu được cấp chứng chỉ cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan khác cho Công ty.

6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu vô danh phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ này bị mất cắp hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ hoặc không phải là chứng chỉ. HĐQT Công ty có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh thuộc một trong hai hình thức trên được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng chỉ và chuyển nhượng cổ phần theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 7: Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp nếu các điều khoản và điều kiện phát hành có quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ các trường hợp hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật.

HĐQT Công ty quy định trình tự thủ tục chuyển nhượng cổ phiếu.

2. Việc mua bán, chuyển nhượng cổ phần của Công ty chỉ được coi là đã hoàn tất sau khi các thông tin về tên cổ đông, địa chỉ thường trú, số lượng cổ phần của mỗi cổ đông, ngày đăng ký được ghi vào “Sổ Đăng ký cổ đông”. HĐQT Công ty chịu trách nhiệm ban hành “Quy chế quản lý và sử dụng Sổ Đăng ký cổ đông” của Công ty.

3. Cổ đông có quyền bán một phần hoặc toàn bộ số cổ phiếu của mình cho cá nhân hoặc pháp nhân nước ngoài, nhưng phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các điều kiện, trình tự, thủ tục do pháp luật hiện hành và Điều lệ này quy định.

4. Cổ phần cũng có thể được chuyển nhượng bằng những hình thức chuyển quyền sở hữu khác quy định tại Bộ luật Dân sự CHXHCN Việt Nam như tặng, cho... nếu người nhận cổ phần tự nguyện chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ của cổ đông theo quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

5. Việc thừa kế cổ phần được xác định, tổ chức thực hiện theo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật dân sự hiện hành và các quy định liên quan khác của pháp luật Việt Nam về thừa kế, chia di sản thừa kế.

6. Quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp với tư cách là cổ đông của người được thừa kế cổ phần trong Công ty chỉ được xác lập kể từ thời điểm đã được chính thức ghi danh vào “Sổ Đăng ký cổ đông” của Công ty. Mọi tranh chấp về thừa kế cổ phần được giải quyết theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành.

7. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.

Điều 9: Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, HĐQT Công ty thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (*tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo*), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan, HĐQT Công ty có quyền thu hồi số cổ phần đó. HĐQT Công ty có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phần bị thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 Điều này và trong các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

4. Cổ phần bị thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. HĐQT Công ty trực tiếp quyết định giải quyết trường hợp người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi đương nhiên chấm dứt tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, tuy nhiên họ vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi vào thời điểm thu hồi theo quyết định của HĐQT Công ty tính từ ngày bị thu hồi cho đến ngày thực hiện việc thanh toán. HĐQT Công ty có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến cổ đông trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG IV:

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

A- CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 10: Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Tổng giám đốc điều hành;
- d) Ban kiểm soát.

Điều 11: Cổ đông và quyền của cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là những tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc nhiều cổ phần của Công ty, được ghi tên trong “Sổ Đăng ký cổ đông” của Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

Cổ đông sáng lập là những cổ đông có đủ điều kiện sau:

a)- Tự nguyện tham gia với tư cách là cổ đông sáng lập, thông qua Điều lệ lần đầu của Công ty;

b)- Cùng nhau nắm giữ ít nhất 20% (hai mươi phần trăm) số cổ phần phổ thông được quyền chào bán;

c)- Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 45.000 (bốn mươi lăm nghìn) cổ phần phổ thông được quyền chào bán

2. Người đại diện theo pháp luật của các cổ đông pháp nhân được quy định trong Điều lệ, quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của pháp nhân đó hoặc là người được uỷ quyền bằng văn bản hợp pháp để đại diện cho pháp nhân đó trong Công ty.

3. Nếu không muốn trực tiếp đứng tên bảo vệ quyền lợi riêng, các cổ đông là cá nhân hoặc một nhóm cổ đông cá nhân có thể uỷ quyền bằng văn bản hợp pháp cho cổ đông khác đại diện mình trong Công ty, với điều kiện cổ đông được uỷ quyền phải có đủ các năng lực pháp luật, năng lực hành vi cần thiết do pháp luật dân sự Việt Nam hiện hành quy định.

4. Bất cứ cổ đông nào khi muốn thay đổi người đại diện của mình cũng phải có văn bản thông báo rõ cho HĐQT Công ty biết.

5. Trong trường hợp một cổ đông là pháp nhân mới được sáp nhập, hợp nhất hoặc được thừa kế quyền, nghĩa vụ của cổ đông là pháp nhân cũ, thì pháp nhân mới phải gửi cho HĐQT Công ty các văn bản có hiệu lực pháp luật về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc thừa kế cổ phần để xác nhận tư cách cổ đông, số lượng cổ phiếu, cổ phần và tên người đại diện theo pháp luật.

Trường hợp cổ đông là pháp nhân bị giải thể, thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho pháp nhân mới hoặc cá nhân khác trên cơ sở các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ này.

6. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a)- Tham gia các ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền các vấn đề của ĐHĐCĐ. Mỗi cổ phần phổ thông chỉ có một phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp.

b)- Được nhận cổ tức với mức do ĐHĐCĐ quyết định;

c)- Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d)- Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e)- Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia ĐHĐCĐ và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f)- Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp ĐHĐCĐ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;

g)- Trường hợp Công ty giải thể, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h)- Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp;

i)- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (sáu) tháng trở lên có các quyền sau:

a)- Đề cử hoặc tự ứng cử vào HĐQT Công ty hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24.4 và Điều 35.2 Điều lệ này;

b)- Yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong những trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 79 Luật Doanh nghiệp;

c)- Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại ĐHĐCĐ.

d)- Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

e)- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

8. Tất cả các quyền và lợi ích hợp pháp khác của cổ đông đều được tôn trọng, bảo vệ thích đáng trong Công ty.

Điều 12: Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị;

2. Thanh toán đủ, đúng thời hạn toàn bộ số cổ phần đã đăng ký cam kết mua lần đầu hoặc mua lại, mua thêm ở những lần phát hành sau theo quy định;

3. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện việc đăng ký vào “Sổ Đăng ký cổ đông” của Công ty;

4. Chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ hoặc nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi phần vốn đã góp vào Công ty;

5. Luôn chủ động bảo vệ uy tín và các quyền lợi hợp pháp của Công ty, cũng như của các cổ đông khác. Tuyệt đối không được làm bất cứ điều gì gây phương hại đến tài sản, uy tín, danh dự và các lợi ích khác của Công ty. Đồng thời, cũng không được tiết lộ thông tin về các hoạt động SXKD, đầu tư - phát triển, tình hình tài chính và các bí mật nội bộ khác của Công ty cho bất kỳ cá nhân, tổ chức nào nếu HĐQT Công ty chưa cho phép công bố công khai hoặc do yêu cầu hợp lệ của các cơ quan pháp luật liên quan;

6. Tham gia giám sát, phát hiện và tố cáo đúng pháp luật những hành vi vi phạm pháp luật hoặc các quy chế, quy định nội bộ của Công ty đối với thành viên HĐQT Công ty, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc. Cá nhân cổ đông phải chịu trách nhiệm về tính xác thực và khách quan của các thông tin liên quan.

7. Tự nguyện cam kết bằng văn bản trước khi tham gia góp vốn vào Công ty với các nội dung sau:

a)- Tán thành “Điều lệ tổ chức và hoạt động” của Công ty đã được đa số cổ đông thông qua theo đúng điều kiện, trình tự, thủ tục do Điều lệ quy định.

b)- Cam kết từ bỏ quyền khiếu nại về nội dung hoặc hình thức của Điều lệ này trước bất cứ cơ quan tài phán nào, ở bất cứ đâu và trong bất cứ thời gian nào.

c)- Bất kỳ một cổ đông nào, tuy trong thực tế chưa gửi văn bản cam kết này cho Công ty nhưng vẫn tham gia góp vốn, sẽ mặc nhiên được coi như đã tán thành không điều kiện Điều lệ này và cũng bị mất quyền khiếu nại tương tự như vậy.

8. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a)- Vi phạm pháp luật;

b)- Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c)- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13: Đại hội đồng cổ đông

1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. HĐQT Công ty tổ chức triệu tập họp ĐHĐCĐ thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. HĐQT Công ty phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:

a)- HĐQT Công ty xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b)- Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn điều lệ đã bị mất một nửa;

c)- Khi số thành viên của HĐQT Công ty ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d)- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11.7 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e)- Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc HĐQT Công ty hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình quy định trong Điều lệ này.

4. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập họp trong những trường hợp sau đây:

a)- HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi số thành viên HĐQT ít hơn một nửa số thành viên quy định hoặc nhận được yêu cầu những đối tượng quy định tại Khoản 3.d, 3.e Điều này.

b)- Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4.a Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c)- Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Khoản 4.b Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3.d Điều này có quyền thay thế HĐQT, Ban kiểm soát triệu tập họp ĐHĐCĐ theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

e)- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp ĐHĐCĐ sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

a)- Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;

b)- Báo cáo của Ban kiểm soát;

c)- Báo cáo của Hội đồng quản trị;

d)- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. ĐHĐCĐ thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

- a)- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b)- Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà HĐQT Công ty đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại ĐHĐCĐ;
- c)- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- d)- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e)- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT Công ty và Ban kiểm soát;
- f)- Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT Công ty và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
- g)- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- h)- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần, và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba năm đầu tiên kể từ Ngày thành lập;
- i)- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- j)- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- k)- Xem xét, kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT Công ty hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l)- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
- m)- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- n)- Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản b và c Điều 120.1 của Luật Doanh nghiệp hoặc Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và người có liên quan của họ với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
- o)- Quyết định việc Công ty có tham gia hay không tham gia niêm yết trên thị trường chứng khoán và việc phát hành trái phiếu các loại;
- p)- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a)- Các hợp đồng quy định tại Khoản 2.n Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b)- Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 15: Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự ĐHĐCĐ theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

a)- Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;

b)- Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c)- Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (*nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty*).

4. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a)- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b)- Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c)- Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16: Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của ĐHĐCĐ (*trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến vốn cổ phần của Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau*) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ chỉ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của những người nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của cổ phần đã phát hành loại đó.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (*hoặc đại diện được ủy quyền của họ*) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành.

Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì trong vòng 30 ngày sau đó, cuộc họp sẽ được tổ chức lại mà không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay số lượng cổ phần nữa, các cổ đông nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu theo yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín và mỗi người khi bỏ phiếu kín đều có một lá phiếu cho mỗi cổ phần sở hữu thuộc loại đó.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và 20 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Triệu tập ĐHĐCĐ, chương trình họp, và thông báo họp ĐHĐCĐ

1. HĐQT Công ty triệu tập ĐHĐCĐ, hoặc ĐHĐCĐ được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4 b hoặc Điều 13.4 c.

2. Người triệu tập ĐHĐCĐ phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a)- *Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;*

b)- *Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông dự họp;*

c)- *Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;*

d)- *Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.*

3. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán, trên website của Công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi Công ty đặt trụ sở giao dịch chính.

Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi bảo đảm qua đường bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc địa chỉ nhận thông tin do cổ đông đó cung cấp.

Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp ĐHĐCĐ có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty,

thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi trước ít nhất 15 (*mười lăm*) ngày trước ngày họp ĐHĐCĐ tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư.

Trường hợp Công ty có website, thông báo họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% (*năm phần trăm*) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 (*sáu*) tháng trở lên có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất 03 (*ba*) ngày làm việc trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

a)- *Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;*

b)- *Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất 06 (*sáu*) tháng;*

c)- *Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua.*

6. HĐQT Công ty phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại ĐHĐCĐ, những quyết định được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18: Các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ

1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng 30 (*ba mươi*) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng 30 (*ba mươi*) ngày kể từ ngày dự định tổ chức ĐHĐCĐ lần thứ nhất. ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng 30 (*ba mươi*) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 (*hai mươi*) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền

tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

4. Theo đề nghị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 17 Điều lệ này, Chủ tọa ĐHĐCĐ có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19: Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ

1. Vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một Thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của Ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT Công ty chủ trì, trường hợp Chủ tịch HĐQT Công ty vắng mặt thì Phó Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc là người được ĐHĐCĐ bầu ra sẽ chủ trì.

Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì đại hội, thành viên HĐQT Công ty chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra đề cử một thư ký để lập biên bản đại hội. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng:

a)- Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội;

b)- Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp;

c)- Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng ĐHĐCĐ trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.

8. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông tham dự.

9. HĐQT Công ty có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT Công ty cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT Công ty sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

10. Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, HĐQT Công ty có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

a)- Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;

b)- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;

c)- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.

HĐQT Công ty có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên hoặc áp dụng tất cả các biện pháp thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

11. Trong trường hợp tại ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT Công ty khi xác định địa điểm đại hội có thể:

a)- Thông báo rằng đại hội sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

b)- Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

12. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của đại hội.

Hàng năm Công ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20: Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

- a)- *Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;*
- b)- *Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;*
- c)- *Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT Công ty và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc HĐQT Công ty bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;*
- d)- *Các vấn đề còn lại khác thuộc thẩm quyền.*

2. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định sau đây:

1. HĐQT Công ty có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. HĐQT Công ty phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a)- *Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty;*
- b)- *Mục đích lấy ý kiến;*
- c)- *Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;*
- d)- *Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;*

e)- *Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;*

f)- *Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;*

g)- *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT Công ty và người đại diện theo pháp luật của công ty;*

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;

5. HĐQT Công ty kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a)- *Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;*

b)- *Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;*

c)- *Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;*

d)- *Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;*

e)- *Các quyết định đã được thông qua;*

f)- *Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.*

Các thành viên HĐQT Công ty và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Điều 22: Biên bản họp ĐHĐCĐ

Người chủ trì ĐHĐCĐ chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản ĐHĐCĐ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày kể từ khi ĐHĐCĐ kết thúc.

Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản này phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn 90 (*chín mươi*) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

a)- *Trình tự và thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;*

b)- *Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.*

B- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24: Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. HĐQT Công ty có 07 (*bảy*) thành viên do ĐHĐCĐ bầu trong số các cổ đông với nhiệm kỳ công tác là 05 (*năm*) năm và do Chủ tịch HĐQT đứng đầu. Trong đó, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch và 05 (*năm*) Ủy viên.

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Công ty không quá 05 (*năm*) năm; thành viên HĐQT Công ty có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên HĐQT Công ty độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên HĐQT.

2. Thành viên của HĐQT Công ty do các cổ đông sáng lập đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông sáng lập. Các cổ đông sáng lập được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên HĐQT.

3. Các cổ đông nắm giữ tối thiểu 05% (*năm phần trăm*) số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên HĐQT Công ty thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT Công ty đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức HĐQT Công ty đương nhiệm đề cử ứng cử viên

HĐQT Công ty phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên HĐQT Công ty sẽ không còn tư cách thành viên HĐQT Công ty trong các trường hợp sau:

a)- Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên HĐQT Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b)- Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c)- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT Công ty có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;

d)- Thành viên đó vắng mặt tại các cuộc họp của HĐQT Công ty liên tục trong vòng sáu tháng và trong thời gian này HĐQT Công ty không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e)- Thành viên đó bị cách chức thành viên HĐQT Công ty theo quyết định của ĐHĐCĐ.

6. HĐQT Công ty có thể bổ nhiệm thành viên HĐQT Công ty mới để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT Công ty bổ nhiệm.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên HĐQT Công ty phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên HĐQT Công ty không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. HĐQT Công ty là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ.

2. HĐQT Công ty có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

3.1)- Xây dựng và quyết định chiến lược phát triển của Công ty;

3.2)- Chuẩn bị các kiến nghị cần thiết về loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại để trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua;

3.3)- Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

3.4)- Quyết định phê duyệt các đề án, phương án tổ chức SXKD và đầu tư phát triển không phân cấp cho Tổng giám đốc điều hành.

3.5)- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và áp dụng công nghệ mới;

3.6)- Hội đồng Quản trị có nghĩa vụ xem xét, phê duyệt các phương án tổ chức kinh doanh, hợp đồng mua - bán tài sản, vay - cho vay tín dụng và những loại hợp đồng kinh tế, dân sự khác có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 30% (ba mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản đang được ghi trong Sổ Kế toán của Công ty ở thời điểm liên quan. Các phương án tổ chức kinh doanh hoặc hợp đồng tương tự, nhưng có tổng giá trị nhỏ hơn sẽ do Tổng giám đốc điều hành tự quyết định và tự chịu trách nhiệm;

3.7)- Quyết định bổ nhiệm, thuê tuyển, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc hoặc theo đề nghị của ít nhất 2/3 (hai phần ba) thành viên của HĐQT Công ty;

3.8)- Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, kỷ luật Giám đốc các đơn vị trực thuộc để Tổng giám đốc điều hành ra quyết định;

3.9)- Quyết định mức lương, hình thức trả lương và quyền lợi khác của Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng Công ty gắn với hiệu quả hoạt động của Công ty;

3.10)- Quyết định phê duyệt cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành, các quy chế và chính sách quản lý nội bộ Công ty; Quyết định thành lập các công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn liên doanh - liên kết kinh tế hoặc mua cổ phần, trái phiếu của các doanh nghiệp khác.

3.11)- Thẩm định và trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;

3.12)- Phê duyệt các định mức lao động, tiền lương - tiền thưởng, chi phí quản lý và hệ thống các định mức - tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật khác áp dụng trong nội bộ Công ty trên cơ sở các định hướng, tiêu chí hướng dẫn do ĐHĐCĐ quyết định;

3.13)- Quyết định tỷ lệ phân chia lợi nhuận thường niên cho các quỹ của Công ty;

3.14)- Kiến nghị với ĐHĐCĐ mức chi trả cổ tức thường kỳ;

Quyết định thời hạn và thủ tục chi trả cổ tức hoặc biện pháp xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

3.15)- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; Định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng;

3.16)- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ;

Triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc thực hiện thủ tục hỏi ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định;

3.17)- Trực tiếp quyết định mức giá mua hoặc thu hồi số cổ phần dưới 10% (mười phần trăm) số cổ phần đã bán;

3.18)- Kiến nghị việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;

3.19)- Thành viên HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng các cán bộ quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu cần thiết về tình hình tài chính, hoạt động SXKD trong Công ty, nếu có đủ căn cứ cho rằng đã có những dấu hiệu sai phạm về quản lý - điều hành. Yêu cầu này phải được thể hiện bằng văn bản;

Người nhận được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên HĐQT Công ty. Tuy nhiên, việc cung cấp, sử dụng và quản lý những thông tin, tài liệu này phải đảm bảo các nguyên tắc “bảo vệ an toàn bí mật nội bộ - không làm tổn hại đến uy tín kinh doanh, lợi ích hợp pháp của Công ty - không nhằm mục đích trục lợi cá nhân”.

3.20)- Chịu trách nhiệm tập thể trước cổ đông về những sai phạm, yếu kém trong công tác quản trị và quản lý - điều hành gây thiệt hại cho Công ty;

3.21)- Được sử dụng danh nghĩa, con dấu và bộ máy tham mưu - nghiệp vụ, giúp việc của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ của mình. Chi phí hoạt động của HĐQT Công ty, chuyên viên giúp việc (nếu có) sẽ do Công ty hạch toán và chi trả;

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp những phương tiện - thiết bị làm việc thiết yếu và đảm bảo các điều kiện làm việc thuận lợi khác cho Chủ tịch HĐQT, Phó Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT Công ty theo chế độ chung.

3.22)- Thực hiện các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;

3.23)- Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước; Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;

3.24)- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

3.25)- Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

3.26)- Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 1.000.000.000 đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

3.27)- Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

4. HĐQT Công ty phải báo cáo ĐHĐCĐ về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của HĐQT Công ty đối với Tổng giám đốc điều hành và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp HĐQT Công ty không trình báo cáo cho ĐHĐCĐ, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được HĐQT Công ty thông qua.

5. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, HĐQT Công ty có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên HĐQT Công ty được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho HĐQT Công ty sẽ do ĐHĐCĐ quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên HĐQT Công ty theo thoả thuận trong HĐQT Công ty hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên HĐQT Công ty phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.

8. Thành viên HĐQT Công ty nắm giữ chức vụ điều hành (*bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch*), hoặc thành viên HĐQT Công ty làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của HĐQT Công ty là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của HĐQT.

Điều 26: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. ĐHĐCĐ hoặc HĐQT Công ty phải lựa chọn trong số các thành viên HĐQT Công ty để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch. Chủ tịch HĐQT Công ty không kiêm chức Tổng giám đốc điều hành của Công ty.

2. Chủ tịch HĐQT Công ty có trách nhiệm triệu tập và chủ toạ ĐHĐCĐ và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch trong trường hợp được Chủ tịch uỷ quyền nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT Công ty rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình.

Trong trường hợp nêu trên Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT Công ty sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT Công ty có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch HĐQT Công ty phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT Công ty gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT Công ty cho các cổ đông tại ĐHĐCĐ;

4. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch HĐQT Công ty từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT Công ty phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp HĐQT Công ty bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT Công ty để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT Công ty nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch HĐQT Công ty phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a)- *Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;*
- b)- *Hai thành viên Hội đồng quản trị;*
- c)- *Chủ tịch Hội đồng quản trị;*
- d)- *Đa số thành viên Ban kiểm soát.*

4. Các cuộc họp HĐQT Công ty nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch HĐQT Công ty không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT Công ty phải triệu tập họp HĐQT Công ty để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp HĐQT Công ty sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT Công ty và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp:

a)- Thông báo họp HĐQT Công ty phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT Công ty ít nhất năm ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ

chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

b)- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT Công ty được đăng ký tại công ty. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản hoặc thư điện tử và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố.

c)- Thành viên HĐQT Công ty không tham dự phiên họp và có lý do chính đáng được biểu quyết bằng văn bản hoặc thư điện tử. Bằng chứng về việc biểu quyết này phải được gửi đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một giờ trước giờ khai mạc.

d)- Khi họp để xem xét, quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT Công ty, Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập nếu xét thấy cần thiết phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc như đối với thành viên HĐQT.

HĐQT Công ty có thể triệu tập các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoặc đại diện những phòng ban giúp việc có liên quan trong Công ty tham dự một phần hoặc toàn bộ phiên họp mở rộng. Trường hợp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phải có sự tham gia của đại diện hợp pháp của Công đoàn Công ty.

e)- Những người được triệu tập tham dự phiên họp HĐQT Công ty mở rộng được tham gia phát biểu ý kiến khi Chủ tọa phiên họp yêu cầu, nhưng không được tham gia biểu quyết. Người được HĐQT Công ty triệu tập họp có trách nhiệm phải có mặt đúng giờ, đúng địa điểm tổ chức kỳ họp và không được thoái thác, nếu không có lý do chính đáng. Đồng thời, có nghĩa vụ giữ bí mật nội dung và diễn biến của kỳ họp, không được tùy tiện tiết lộ ra ngoài nếu chưa được HĐQT Công ty cho phép.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu:

Các cuộc họp của HĐQT Công ty chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên HĐQT Công ty có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a)- *Trừ quy định tại Khoản 9.b Điều này, mỗi thành viên HĐQT Công ty hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT Công ty sẽ có một phiếu biểu quyết;*

b)- *Thành viên HĐQT Công ty không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp HĐQT Công ty về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;*

c)- Theo quy định tại Khoản 9.d Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của HĐQT Công ty liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên HĐQT Công ty hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT Công ty đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên HĐQT Công ty khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT Công ty liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;

d)- Thành viên HĐQT Công ty hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4, mục a, b của Điều 33 sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích:

Thành viên HĐQT Công ty trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT Công ty lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT Công ty được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số:

HĐQT Công ty thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT Công ty có mặt (*trên 50%*). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Hợp trên điện thoại hoặc các hình thức khác:

Cuộc họp của HĐQT Công ty có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của HĐQT Công ty khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a)- Nghe từng thành viên HĐQT Công ty khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b)- Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (*kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này*) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này.

Theo Điều lệ này, thành viên HĐQT Công ty tham gia cuộc họp như vậy được coi là “*có mặt*” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT Công ty đông nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT Công ty tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản:

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên HĐQT Công ty sau đây:

- a)- Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp HĐQT;*
- b)- Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.*

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên HĐQT Công ty thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị:

Chủ tịch HĐQT Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT Công ty cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp HĐQT Công ty được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên HĐQT Công ty tham dự cuộc họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

HĐQT Công ty có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của HĐQT Công ty và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà HĐQT Công ty đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên HĐQT Công ty vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng:

- a-) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và*
- b)- nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.*

16. Giá trị pháp lý của các quyết định có liên quan:

Các hành động thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT Công ty sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc HĐQT Công ty có thể có sai sót.

C- TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 28: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ thiết lập một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc điều hành hoặc một số Phó Tổng giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng do HĐQT Công ty bổ nhiệm. Tổng giám đốc điều hành và các Phó Tổng giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được HĐQT Công ty bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29: Cán bộ quản lý

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do HĐQT Công ty đề xuất tùy từng thời điểm. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc điều hành sẽ do HĐQT Công ty quyết định và hợp đồng với những cán bộ quản lý khác sẽ do HĐQT Công ty quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc điều hành.

Điều 30: Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn Tổng giám đốc điều hành

1. HĐQT Công ty sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong ĐHCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Tổng giám đốc điều hành không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành là 05 (năm) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

Tổng giám đốc điều hành không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a)- *Tổng giám đốc Công ty là đại diện theo pháp luật của Công ty, có toàn quyền điều hành và chịu trách nhiệm chính về mọi hoạt động thường ngày của Công ty.*

b)- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT Công ty và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT Công ty và ĐHĐCĐ thông qua;

c)- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

d)- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để HĐQT Công ty bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT Công ty đề xuất, và tư vấn để HĐQT Công ty quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

e)- Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, khen thưởng và thi hành kỷ luật đối với các chức danh quản lý còn lại. Tham khảo ý kiến của HĐQT Công ty để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

f)- Vào ngày 30 tháng 11 hàng năm, Tổng giám đốc điều hành phải trình HĐQT Công ty phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

g)- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT Công ty thông qua;

h)- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT Công ty thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i)- Tổng giám đốc có nghĩa vụ bồi thường vật chất theo quy định của pháp luật hiện hành và quy chế nội bộ của Công ty về những tổn thất phát sinh, nếu thực sự có lỗi hoặc do thiếu mất cân trọng việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, gây thiệt hại về tiền vốn, tài sản, các nguồn lực khác hoặc uy tín của Công ty.

k)- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên HĐQT Công ty và các cổ đông. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước HĐQT Công ty và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Phạm vi ủy quyền, ủy nhiệm của Tổng giám đốc:

a)- *Tổng giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản hoặc trực tiếp giao cho Phó Tổng giám đốc hoặc những cá nhân lãnh đạo dưới quyền khác trong Công ty thay mặt giải quyết hoặc thực hiện một số nhiệm vụ, công việc thuộc trách nhiệm quản lý - điều hành Công ty. Tuy nhiên, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân trước HĐQT Công ty, trước ĐHĐCĐ và trước pháp luật về kết quả thực hiện các hoạt động này.*

Những người được ủy quyền hoặc giao nhiệm vụ tự chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng giám đốc và trước pháp luật về những hậu quả phát sinh do đã cố tình hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc do thiếu mẫn cán cần thiết trong khi thi hành nhiệm vụ, gây thiệt hại cho Công ty.

b)- *Mọi sự ủy quyền, ủy nhiệm có liên quan đến con dấu doanh nghiệp của Công ty hoặc của các đơn vị trực thuộc đều phải thực hiện bằng văn bản theo đúng thể thức, trình tự do pháp luật quy định.*

6. HĐQT Công ty có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc điều hành khi có từ hai phần ba thành viên HĐQT Công ty trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc điều hành) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc điều hành mới thay thế. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại ĐHĐCĐ tiếp theo gần nhất.

Điều 31: Thư ký Công ty

HĐQT Công ty sẽ chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Thư ký Công ty có thời hạn theo quyết định của Hội đồng quản trị. HĐQT Công ty có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT Công ty cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

a)- *Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và ĐHĐCĐ theo lệnh của Chủ tịch HĐQT Công ty hoặc Ban kiểm soát;*

b)- *Làm biên bản các cuộc họp;*

c)- *Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;*

d)- *Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT Công ty và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT Công ty và Ban kiểm soát.*

Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

**D- NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ**

Điều 32: Trách nhiệm cẩn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT Công ty tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT Công ty không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý, hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc vì thành viên HĐQT Công ty đó hoặc cán bộ quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào HĐQT Công ty hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:

a)- Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT Công ty đã được báo cáo cho HĐQT Công ty hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, HĐQT Công ty hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b)- Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của cán bộ quản lý hoặc thành viên HĐQT Công ty đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;

c)- *Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT Công ty hoặc một tiểu ban trực thuộc HĐQT Công ty hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.*

Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 34: Trách nhiệm đối với thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm đối với thiệt hại:

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, miễn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường:

Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (*mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty*) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (*hay công ty con của Công ty*) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (*hay công ty con của Công ty*) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tin thác hoặc pháp nhân khác.

Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (*kể cả phí thuê luật sư*), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

E- BAN KIỂM SOÁT

Điều 35: Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là 03 (*ba*) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế

toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a)- Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;

b)- Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;

c)- Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT Công ty để trình lên ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông nắm giữ ít hơn 10% cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ đến dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

a)- Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;

b)- Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;

c)- Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d)- Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

e)- Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 36: Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

a)- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;

b)- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;

c)- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;

d)- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi chuyển HĐQT;

e)- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;

f)- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;

g)- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi HĐQT Công ty chấp thuận; và

h)- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản trị - điều hành.

2. Thành viên của HĐQT Công ty, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên HĐQT Công ty và bản sao các biên bản họp HĐQT Công ty sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho HĐQT Công ty.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quyết định của ĐHĐCĐ. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG V:

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CÔNG TY

Điều 37: Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Khoản 3 Điều 24 và Khoản 2 Điều 36 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm

kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó.

Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

4. Cổ đông có quyền được Công ty cấp một bản Điều lệ công ty miễn phí. Trường hợp công ty có website riêng, Điều lệ này phải được công bố trên website đó.

Điều 38: Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG VI: PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39: Cổ tức

1. Theo quyết định của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do HĐQT Công ty đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại ĐHĐCĐ.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, HĐQT Công ty có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. HĐQT Công ty có thể đề nghị ĐHĐCĐ thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (*như cổ phiếu hoặc trái*

5. *phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành*) và HĐQT Công ty là cơ quan thực thi nghị quyết này.

6. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (*từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông*) thì cổ đông đó phải chịu.

Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông.

Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

7. Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, HĐQT Công ty có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

Ngày khoá sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 40: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận như việc trích quỹ đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng phúc lợi, bổ xung vốn điều lệ, xử lý lỗ phát sinh, ĐHĐCĐ sẽ quyết định dựa trên đề xuất của HĐQT Công ty.

CHƯƠNG VII:

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ BỔ SUNG VỐN ĐIỀU LỆ NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42: Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Hàng năm, Công ty sẽ phải trích từ lợi nhuận sau thuế của mình một khoản vào quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không được vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

Điều 43: Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm đó. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (*hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện*) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đó.

Điều 44: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG VIII:
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN
THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG
CHẾ ĐỘ KIỂM TOÁN VÀ CON DẤU CÔNG TY

Điều 45: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHĐCĐ thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối mỗi năm tài chính.

3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán.

4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán phải được gửi tới tất cả các cổ đông và được công bố trên nhật báo của địa phương và một tờ báo kinh tế trung ương trong vòng ba số liên tiếp. Trường hợp công ty có website riêng, các báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quý và sáu tháng của công ty phải được công bố trên website đó.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 46: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 47: Kiểm toán Công ty

1. Tại ĐHĐCĐ thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán

Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.

Đối với năm tài chính đầu tiên, HĐQT Công ty sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT Công ty trong vòng 75 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 48. Con dấu

1. HĐQT Công ty sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX:

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG, THANH LÝ VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 49. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a)- *Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;*
- b)- *Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;*
- c)- *Giải thể trước thời hạn theo quyết định của ĐHĐCĐ.*
- d)- *Các trường hợp khác do pháp luật quy định.*

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (*kể cả thời hạn đã gia hạn*) do ĐHĐCĐ quyết định, HĐQT Công ty thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (*nếu bắt buộc*) theo quy định.

Điều 50: Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT Công ty và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên HĐQT Công ty có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể Công ty dựa trên một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên HĐQT Công ty không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT Công ty hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 51: Gia hạn hoạt động

1. HĐQT Công ty sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo đề nghị của HĐQT Công ty.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 52: Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, HĐQT Công ty phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do ĐHĐCĐ chỉ định và một thành viên do HĐQT Công ty chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình.

Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

a)- Các chi phí thanh lý;

b)- Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;

c)- Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;

d)- Các khoản vay (nếu có);

e)- Các khoản nợ khác của Công ty;

f)- Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

Điều 53: Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

a)- Cổ đông với Công ty

b)- Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT Công ty hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch HĐQT Công ty sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT Công ty hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (6) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí tố tụng theo quyết định của Toà án có thẩm quyền.

CHƯƠNG X:

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI VÀ HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 54: Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Điều lệ này có thể được sửa đổi, bổ sung để ngày càng hoàn thiện hơn trong quá trình thực hiện. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định theo đúng điều kiện, trình tự và thủ tục do Điều lệ này quy định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 55: Ngày hiệu lực

1. Điều lệ về tổ chức và hoạt động này bao gồm 56 điều khoản và đã được toàn thể các cổ đông có tên trong danh sách kèm theo tự nguyện thông qua

tại Đại hội đồng cổ đông trong trạng thái tinh thần minh mẫn, có đầy đủ khả năng nhận thức và tự chịu trách nhiệm về hành vi của mình.

2. Các bản trích hay bản sao Điều lệ gốc này chỉ có đầy đủ giá trị sử dụng khi có chữ ký xác nhận của Chủ tịch HĐQT đương nhiệm và đã được áp dấu của Công ty để chứng thực.

3. Bản Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/4/2012

4. Điều lệ được lập thành 10 bản có giá trị pháp lý ngang nhau, gồm 01 (một) bản lưu tại Phòng Công chứng Nhà nước địa phương và 09 (chín) bản được lưu tại Cơ quan Công ty.

5. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty

Điều 56: Chữ ký của các cổ đông sáng lập hoặc của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

